

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung có mục tiêu kinh phí hỗ trợ các xã, phường
chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp
cho lao động hợp đồng làm giáo viên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 5107/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;

Căn cứ Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao số lượng lao động hợp đồng làm giáo viên được hỗ trợ kinh phí trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2025 - 2026 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 12292/TTr-STC ngày 19 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung có mục tiêu kinh phí hỗ trợ các xã, phường chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho lao động hợp đồng làm giáo viên, với các nội dung chính như sau:

1. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Kinh phí bổ sung cho các địa phương xác định trên cơ sở đối tượng lao động hợp đồng làm giáo viên đã được hiệu trưởng các trường ký kết hợp đồng theo hướng dẫn của Sở Nội vụ tại Công văn số 3130/SNV-CCVC ngày 29 tháng 6 năm 2025 về việc hợp đồng lao động làm giáo viên theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ.

b) Ngân sách tỉnh đảm bảo chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở cho số tháng theo hợp đồng trong năm 2025 cho các đối tượng. Phần kinh phí còn lại và các chế độ, chính sách phát sinh khác (nếu có) do các xã, phường đảm nhận từ nguồn ngân sách cấp xã. Người sử dụng lao động chịu trách nhiệm thực hiện chi trả chế độ, chính sách theo thời gian làm việc thực tế đảm bảo chế độ quy định.

2. Tổng số kinh phí bổ sung có mục tiêu: 25.733.874.000 đồng (hai mươi lăm tỷ, bảy trăm ba mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2025 (kinh phí tuyển dụng giáo viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP; một số chế độ, chính sách giáo dục và nhiệm vụ phát sinh khác).

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài chính và đơn vị lập dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đề nghị phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu, hồ sơ, tài liệu báo cáo và việc đảm bảo nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi và các điều kiện bổ sung dự toán, giao dự toán theo đúng quy định của pháp luật (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung trình nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định). Kinh phí bổ sung có mục tiêu được giao tại Quyết định này chỉ phê duyệt tổng số nhằm bổ sung nguồn lực từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã để thực hiện nhiệm vụ; UBND tỉnh không phê duyệt chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức chi cụ thể; các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện trong phạm vi dự toán kinh phí được bổ sung và tuân thủ đúng chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức, thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan theo quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XI có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI có trách nhiệm từ chối theo thẩm quyền các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm định kỳ tham mưu, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất đối với các nội dung UBND tỉnh quyết định phân bổ, giao dự toán các khoản HĐND tỉnh chưa phân bổ chi tiết, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; báo cáo kết quả nội dung tham mưu đã được phê duyệt tại phiên họp gần nhất của UBND tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy chế làm việc của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường được bổ sung kinh phí:

a) Có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi phân bổ, sử dụng, đảm bảo đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm; sử dụng kinh phí được bổ sung và chủ động cân đối từ nguồn ngân sách địa phương nếu còn thiếu để thực hiện các chính sách, chế độ, bảo đảm chi trả kịp thời; đồng thời, thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm trong việc xác định cơ cấu giáo viên văn hóa, giáo viên đặc thù còn thiếu để ký hợp đồng lao động tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo đồng bộ cơ cấu các môn học, không để thừa thiếu cục bộ. Đồng thời, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hiệu trưởng các trường thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm việc ký kết lao động hợp đồng làm giáo viên được thực hiện đúng quy định, hợp pháp, hợp lệ, phù hợp với tình hình thực tế.

c) Thủ trưởng đơn vị và người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình. Trường hợp thực hiện chế độ, chính sách không đúng quy định, các đơn vị có trách nhiệm thu hồi, nộp trả ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc chức năng, nhiệm vụ; kịp thời báo cáo UBND tỉnh nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nếu có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Giao Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của cấp ngân sách, đơn vị lập dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách được bổ sung kinh phí có mục tiêu tại Quyết định này; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nếu có nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường có tên tại phụ lục kèm theo Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND các xã, phường có tên tại phụ lục;
- Lưu: VT, KTTC, THĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục:
BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU KINH PHÍ HỖ TRỢ CÁC XÃ, PHƯỜNG CHI TRẢ
LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP CHO
LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG LÀM GIÁO VIÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

STT	Tên địa phương	Kinh phí bổ sung có mục tiêu	Ghi chú
	Tổng cộng	25.733.874	
1	Phường Nam Sầm Sơn	187.865	
2	Phường Bim Sơn	64.269	
3	Phường Ngọc Sơn	646.945	
4	Phường Tĩnh Gia	1.859.976	
5	Phường Hải Bình	889.018	
6	Phường Nghi Sơn	1.437.719	
7	Xã Các Sơn	611.241	
8	Xã Hà Trung	266.754	
9	Xã Hoạt Giang	204.021	
10	Xã Nga Sơn	312.288	
11	Xã Ba Đình	110.086	
12	Xã Nga Thắng	765.953	
13	Xã Tân Tiến	852.771	
14	Xã Hoa Lộc	207.415	
15	Xã Hoằng Hóa	252.701	
16	Xã Hoằng Giang	288.632	
17	Xã Hoằng Tiến	136.013	
18	Xã Lưu Vệ	232.463	
19	Xã Quảng Chính	275.075	
20	Xã Quảng Ngọc	143.343	
21	Xã Quảng Yên	23.137	
22	Xã Thăng Bình	229.455	
23	Xã Thăng Lợi	358.269	
24	Xã Tượng Lĩnh	327.288	
25	Xã Trung Chính	457.644	

STT	Tên địa phương	Kinh phí bổ sung có mục tiêu	Ghi chú
26	Xã Công Chính	536.409	
27	Xã Tân Ninh	654.088	
28	Xã Hợp Tiến	736.033	
29	Xã Sao Vàng	194.066	
30	Xã Lam Sơn	63.037	
31	Xã Xuân Lập	228.735	
32	Xã Xuân Hòa	229.729	
33	Xã Yên Định	662.050	
34	Xã Yên Trường	284.325	
35	Xã Định Tân	204.021	
36	Xã Tây Đô	264.460	
37	Xã Cẩm Thạch	172.528	
38	Xã Cẩm Tân	64.087	
39	Xã Cẩm Vân	202.118	
40	Xã Cẩm Tú	502.097	
41	Xã Ngọc Liên	405.415	
42	Xã Như Thanh	249.769	
43	Xã Xuân Du	222.657	
44	Xã Mậu Lâm	184.870	
45	Xã Linh Sơn	35.213	
46	Xã Văn Phú	462.578	
47	Xã Yên Thắng	380.888	
48	Xã Hiền Kiệt	244.302	
49	Xã Phú Lệ	332.770	
50	Xã Phú Xuân	95.851	
51	Xã Trung Sơn	242.921	
52	Xã Luận Thành	527.810	
53	Xã Xuân Chinh	544.109	
54	Xã Thắng Lộc	606.032	
55	Xã Yên Nhân	599.377	
56	Xã Vạn Xuân	453.000	

STT	Tên địa phương	Kinh phí bổ sung có mục tiêu	Ghi chú
57	Xã Bát Mọt	250.521	
58	Xã Lương Sơn	99.410	
59	Xã Mường Chanh	142.802	
60	Xã Mường Lý	2.525.077	
61	Xã Quang Châu	445.587	
62	Xã Mường Mìn	117.654	
63	Xã Na Mèo	219.209	
64	Xã Sơn Điện	188.450	
65	Xã Tam Lư	19.478	